

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/DS-ST
Ngày: 01-7-2019
V/v “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thật;

Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 02/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1985 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: đường X, phường Y, thành phố Z, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1 Bà Hoàng Xuân T, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

2.2 Ông Lâm Trung D (Vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: đường F, khóm E, phường K, thành phố Z, tỉnh An Giang.

Tạm trú: đường Y, khóm E 7, phường K, thành phố Z, tỉnh An Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

3.2 Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

3.3 Chị Trần Thị Kim J, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 của nguyên đơn ông Trần Ngọc P và trong quá trình tố tụng trình bày:

Vào khoảng tháng 3/2017 bà Hoàng Xuân T (chồng là ông Lâm Trung D - đội trưởng PC64 công an tỉnh An Giang) đến cửa hàng Đại Tín L II do ông là đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để giao dịch mua bán, cầm đồ nhiều lần. Khi tạo được uy tín, tin tưởng nhau thì bà T mua máy iphone 7 plus 128 (màu vàng), sau khi trả tiền thì mua thêm 2 máy iphone 7 plus (vàng và đen) sau đó tiếp tục trả một ít để lấy lòng tin và tiếp tục mua thêm các máy khác đến khi số tiền nợ lên tới 70.700.000 đồng thì bà T tắt điện thoại, không Q toán số tiền đã mua trước đó.

Đến ngày 12/12/2017 ông P nhờ Văn phòng Thừa phát lại Z đến nhà bà T để lập Vi bằng, tại đây gặp bà T ông đã giao thông báo về việc yêu cầu bà T Q toán số tiền nợ 70.700.000 đồng. Đồng thời, vi bằng bà T thừa nhận số tiền nợ là 70.700.000 đồng và có trách nhiệm Q toán cho ông P trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập vi bằng, nhưng sau đó bà T không Q toán nên ông P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông D liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa ông rút lại yêu cầu liên đới, chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm Q toán số tiền còn nợ.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 70.700.000 đồng. Đình chỉ đối với việc ông P rút lại yêu cầu liên đới ông D có trách nhiệm cùng bà T trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông P buộc bà T có trách nhiệm trả số tiền đúng theo thỏa thuận tại vi bằng mà bà T đã ký nhận và cam kết trả nợ, đây là tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền xuất phát từ hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vi bằng bà T xác lập nợ đối với ông P thể hiện địa chỉ tại đường Y, khóm K 7, phường K, thành phố Z, tỉnh An Giang. Căn cứ biên bản xác minh bà T cũng tạm trú tại đường Y, khóm K 7, phường K, thành phố Z, tỉnh An Giang. Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ trong quá trình tố tụng, đồng thời đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà T vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T.

Căn cứ việc rút lại yêu cầu liên đới ông D có trách nhiệm trả nợ cùng bà T, việc rút này hoàn toàn tự nguyện nên được xem xét đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông P và bà T xác lập hợp đồng mua bán điện thoại, hợp đồng mua bán trên cơ sở hai bên thỏa thuận miệng với nhau, hợp đồng này phù hợp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự. Căn cứ vi bằng, giấy thỏa thuận nợ ngày 12/12/2017 bà T thừa nhận số tiền nợ từ việc mua điện thoại là 70.700.000 đồng và cam kết có trách nhiệm Q toán cho ông P trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập vi bằng, lẽ ra bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự nhưng bà T không thực hiện do đó ông P khởi kiện yêu cầu trả tiền là phù hợp theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của ông P được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí, bà T phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 280; Điều 430; Điều 440 Luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P. Buộc bà Hoàng Xuân T có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc P số tiền 70.700.000 đồng (bảy mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng).

[2] Đình chỉ đối với việc ông Trần Ngọc P rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lâm Trung D về việc liên đới Q toán số tiền 70.700.000 đồng (bảy mươi triệu, bảy trăm nghìn đồng).

[3] Về án phí:

Ông P được nhận lại số tiền 1.767.500 đồng (*Một triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010762 ngày 21/12/2018 của J cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà T có trách nhiệm nộp 3.535.000 đồng (ba triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bà T, ông D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quốc Việt